

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG

XÂY DỰNG VIDEO BÀI GIẢNG MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Mã số: T2022-VD81

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Hoàng Thị Hải Yến

Thái Nguyên - 10/2023

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG

XÂY DỰNG VIDEO BÀI GIẢNG MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
Mã số: T2022-VD81

Xác nhận của tổ chức chủ trì

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Vũ Ngọc Pi

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ tên)

ThS. Hoàng Thị Hải Yến

Thái Nguyên - 10/2023

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--|--------------|
| Thông tin kết quả nghiên cứu bằng tiếng Việt | 1 |
| Thông tin kết quả nghiên cứu bằng tiếng Anh | 2 |
| MỞ ĐẦU | 3 |
| NỘI DUNG | 5 |
| 1. NỘI DUNG VIDEO 1: CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC | 5 |
| 2. NỘI DUNG VIDEO 2,3: CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN | 8 |
| 3. NỘI DUNG VIDEO 4,5: CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | 12 |
| 4. NỘI DUNG VIDEO 6,7,8: CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA | 15 |
| 5. NỘI DUNG VIDEO 9,10: CHƯƠNG 5: CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | 20 |
| 6. NỘI DUNG VIDEO 11,12,13: CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | 23 |
| 7. NỘI DUNG VIDEO 14,15,16: CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | 27 |
| KẾT LUẬN | 30 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 31 |
| BẢN COPY THUYẾT MINH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT | 32 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
Đơn vị: Khoa KHCB & UD

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Xây dựng video bài giảng môn Chủ nghĩa xã hội khoa học
- Mã số: T2022-VD81
- Chủ nhiệm: ThS. Hoàng Thị Hải Yến
- Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
- Thời gian thực hiện: 4/2022 – 10/2023

2. Mục tiêu:

Xây dựng kho học liệu số môn Chủ nghĩa xã hội khoa học tại trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, đồng thời nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, đa dạng hóa các phương pháp dạy và học.

3. Kết quả nghiên cứu:

Xây dựng được 16 video bài giảng môn Chủ nghĩa xã hội khoa học

4. Sản phẩm:

Sản phẩm ứng dụng: 16 video bài giảng môn Chủ nghĩa xã hội khoa học

5. Hiệu quả:

6. Khả năng áp dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:

Có khả năng áp dụng trong giảng dạy và học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học tại trường Đại học kỹ Thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên.

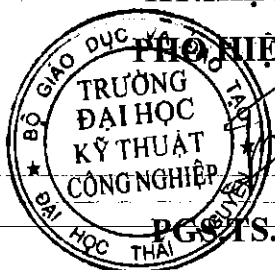
Ngày tháng 10 năm 2023

Cơ quan chủ trì

Chủ nhiệm đề tài

KT: HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Vũ Ngọc Pi

ThS. Hoàng Thị Hải Yến

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title: Building a video lecture on Scientific Socialism

Code number: T2022-VD81

Coordinator: Hoang Thi Hai Yen

Implementing institution: Thai Nguyen University of Technology

Duration: from 4/2022 to 10/2023

2. Objective(s):

Building a digital repository of Scientific Socialism subjects at the University of Technology and Industry, and at the same time improving skills in applying information technology in teaching and learning activities.

3. Research results:

Built 16 videos of lectures on Scientific Socialism

4. Products:

Application products: Built 16 videos of lectures on Scientific Socialism

5. Effects:

6. Transfer alternatives of reserach results andapplic ability:

Able to apply in teaching and learning Scientific Socialism at Thai Nguyen University of Technology

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự phát triển mạnh mẽ của mạng internet tạo điều kiện cho đào tạo online có cơ hội mở rộng, được tin tưởng ngày càng nhiều hơn. E-learning là phương pháp học tập hiệu quả, ứng dụng đa dạng nhờ vào nội dung phong phú và khả năng hỗ trợ tương tác cao, dần trở thành xu hướng. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hiện nay, dịch bệnh Covid 19 bùng phát và làm thay đổi mọi mặt đời sống xã hội. Giáo dục và đào tạo cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Để đảm bảo hoạt động dạy và học không bị gián đoạn, toàn ngành giáo dục đã chủ động nghiên cứu và áp dụng nhiều phương án, nhiều hình thức dạy và học mới, phù hợp với tình hình thực tiễn.

Trước tình hình thực tiễn trên, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên đã có những phương án rất kịp thời để ứng phó linh hoạt với đại dịch covid 19 như: tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ kết hợp học trực tuyến với học trực tiếp trên lớp; tập huấn cho giảng viên, sinh viên cũng như đội ngũ cán bộ phục vụ các công tác liên quan đến đào tạo trực tuyến từ đó góp phần nâng cao chất lượng cho hoạt động đào tạo trực tuyến của Nhà trường.

Tuy nhiên, để ứng phó lâu dài với dịch bệnh, thực tiễn đòi hỏi cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng của hoạt động dạy và học trực tuyến. Nhằm mục đích xây dựng kho học liệu số của Nhà trường có chất lượng; nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động dạy, học; đồng thời, phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của các nhà giáo trong đổi mới nội dung và đổi mới phương pháp dạy học, Nhà trường đã phát động phong trào nghiên cứu khoa học trong tình hình mới, đó là xây dựng các bài giảng dưới dạng video cho từng môn học. Trên cơ sở đó, tác giả đăng ký đề tài “Xây dựng video bài giảng môn Chủ nghĩa xã hội khoa học” để góp phần thực hiện các mục tiêu trên của Nhà trường.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Xây dựng kho học liệu số môn Chủ nghĩa xã hội khoa học trong trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, đồng thời nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Xây dựng video bài giảng các nội dung cơ bản của học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Các nội dung dạy và học học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận: Ứng dụng công nghệ thông tin và các phương pháp dạy học tích cực để xây dựng các video bài giảng.

4.2. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết.
- Phương pháp thực nghiệm sư phạm

5. Kết quả nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo, phục lục đề tài nghiên cứu đã xây dựng được 16 video bài giảng môn Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Thời lượng mỗi video từ 15-20 phút. Cụ thể như sau:

Chương 1: 01 video

Chương 2: 02 video

Chương 3: 02 video

Chương 4: 03 video

Chương 5: 02 video

Chương 6: 03 video

Chương 7: 03 video

NỘI DUNG

1. NỘI DUNG VIDEO 1: CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Video 1 trình bày những nội dung sau:

- * Giới thiệu khái quát môn học: Mô tả học phần, mục tiêu, nội dung, kết luận
- * Nội dung Chương 1

I. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Điều kiện kinh tế - xã hội

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp đã hoàn thành ở nước Anh, bắt đầu chuyển sang nước Pháp và Đức làm xuất hiện một lực lượng sản xuất mới, đó là nền đại công nghiệp. Nền đại công nghiệp phát triển làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có bước phát triển vượt bậc. Đây chính là nguyên nhân làm xuất hiện mâu thuẫn ngày càng quyết liệt giữa lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Cùng với quá trình phát triển của nền đại công nghiệp, sự ra đời hai giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản (giai cấp công nhân). Cũng từ đây, cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại sự thống trị, áp bức của giai cấp tư sản ngày càng mạnh mẽ. Do đó, nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh đã bắt đầu và từng bước có tổ chức và trên quy mô rộng khắp.

Sự phát triển nhanh chóng có tính chính trị công khai của phong trào công nhân đã đòi hỏi một cách bức thiết phải có một hệ thống lý luận soi đường và một cương lĩnh chính trị làm kim chỉ nam cho hành động.

Điều kiện kinh tế - xã hội ấy không chỉ đặt ra yêu cầu đối với các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời một lý luận mới, tiên bộ- chủ nghĩa xã hội khoa học.

b. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận

- Tiền đề khoa học tự nhiên

Cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, nhân loại đã đạt nhiều thành tựu to lớn trên lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, tạo nền tảng cho phát triển tư duy lý luận. Trong khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng: Học thuyết Tiến hóa; Định luật Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; Học thuyết tế bào. Những phát minh này là tiền đề khoa học cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa

học nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị- xã hội đương thời.

- Tiền đề tư tưởng lý luận

Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận, trong đó có triết học cổ điển Đức với tên tuổi của các nhà triết học vĩ đại: Ph.Hêghen (1770 -1831) và L. Phoiơbắc (1804 - 1872); kinh tế chính trị học cổ điển Anh với A.Smith (1723-1790) và D.Ricardo (1772-1823); chủ nghĩa không tưởng phê phán mà đại biểu là Xanh Ximông (1760-1825), S.Phuriê (1772-1837) và R.O-en (1771-1858).

Tuy nhiên, những tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán còn không ít những hạn chế hoặc do điều kiện lịch sử, hoặc do chính sự hạn chế về tầm nhìn và thế giới quan của những nhà tư tưởng. Chính vì những hạn chế ấy, mà chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán chỉ dừng lại ở mức độ một học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng- phê phán. Song vượt lên tất cả, những giá trị khoa học, cống hiến của các nhà tư tưởng đã tạo ra tiền đề tư tưởng- lý luận, để C.Mác và Ph.Ăngghen kế thừa những hạt nhân hợp lý, loại bỏ những bất hợp lý, xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Vai trò của Các Mác và Phriđrích Ăngghen

a. Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị

b. Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen

- Chủ nghĩa duy vật lịch sử

- Học thuyết về giá trị thặng dư

- Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân

c. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

II. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học

1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Thời kỳ từ 1848 đến Công xã Pari (1871)

b. Thời kỳ sau Công xã Pari đến 1895

2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới

Những đóng góp to lớn của V.I.Lênin trong sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học có thể khái quát qua hai thời kỳ cơ bản:

a. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga

b. Thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười Nga

3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay

a. Thời kì từ năm 1924 đến trước năm 1991

b. Từ năm 1991 đến nay

III. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

Đối tượng của chủ nghĩa xã hội khoa học: là những qui luật, tính qui luật chính trị- xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học sử dụng phương pháp luận chung nhất là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học đặc biệt chú trọng sử dụng những phương pháp nghiên cứu cụ thể và những phương pháp có tính liên ngành, tổng hợp:

- Phương pháp kết hợp lịch sử và lôgic.
- Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội
- Phương pháp so sánh được sử dụng trong nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa
- Các phương pháp có tính liên ngành:

Ngoài ra, chủ nghĩa xã hội khoa học còn gắn bó trực tiếp với phương pháp tổng kết thực tiễn, nhất là thực tiễn về chính trị - xã hội để từ đó rút ra những vấn đề lý luận có tính qui luật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia cũng như của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Về mặt lý luận

b. Về mặt thực tiễn

2. NỘI DUNG VIDEO 2,3: CHƯƠNG 2: SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Chương 2 được trình bày khái quát trong 2 video, bao gồm những nội dung sau:

2.1. Video 2: Gồm những nội dung sau:

I. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân

1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

a) Khái niệm giai cấp công nhân

Dù diễn đạt bằng những thuật ngữ khác nhau, song giai cấp công nhân được các nhà kinh điển xác định trên hai phương diện cơ bản:

- Về phương diện kinh tế - xã hội:
- Về phương diện chính trị - xã hội:

Từ phân tích trên, theo chủ nghĩa Mác - Lênin: *Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.*

b) Đặc điểm của giai cấp công nhân

Đặc điểm chủ yếu của giai cấp công nhân bao gồm:

- Đặc điểm nổi bật của giai cấp công nhân là lao động bằng phương thức công nghiệp với đặc trưng công cụ lao động là máy móc, tạo ra năng suất lao động cao, quá trình lao động mang tính chất xã hội hóa.

- Giai cấp công nhân là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp, là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất hiện đại. Do đó, giai cấp công nhân là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất tiên tiến, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại.

- Nền sản xuất đại công nghiệp và phương thức sản xuất tiên tiến đã rèn luyện cho giai cấp công nhân những phẩm chất đặc biệt về tính tổ chức, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và tâm lý lao động công nghiệp. Đó là một giai cấp cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để.

2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, *sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân là thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.*

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thể hiện trên ba nội dung cơ bản:

- *Nội dung kinh tế.*
- *Nội dung chính trị - xã hội*
- *Nội dung văn hóa, tư tưởng*

3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

a. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Thứ nhất, do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân quy định

Thứ hai, do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định

b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử

- Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng.
- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

- Ngoài hai điều kiện thuộc về nhân tố chủ quan nêu trên chủ nghĩa Mác - Lênin còn chỉ rõ, để cuộc cách mạng thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi tới thắng lợi, phải có *sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác* do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đây cũng là một điều kiện quan trọng không thể thiếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

2.2. Video 3: Gồm những nội dung sau:

II. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay

1. Giai cấp công nhân hiện nay

a. Về những đặc điểm tương đối ổn định so với thế kỷ XIX

Giai cấp công nhân hiện nay vẫn đang là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại. Họ là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp hiện đại mang tính xã hội hóa ngày càng cao.

Cũng giống như thế kỷ XIX, ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, công nhân vẫn bị giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản bóc lột giá trị thặng dư. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa với chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa sản sinh ra tình trạng bóc lột này vẫn tồn tại.

Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

Từ những điểm tương đồng đó của công nhân hiện đại so với công nhân thế kỷ XIX, có thể khẳng định: *Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn mang giá trị khoa học và cách mạng, vẫn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, chỉ đạo cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và quần chúng lao động, chống chủ nghĩa tư bản và lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của thế giới ngày nay.*

b. Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại

- Xu hướng “trí tuệ hóa” tăng nhanh
- Xu hướng “trung lưu hóa” gia tăng

- Là giai cấp giữ vai trò lãnh đạo, Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân, giữ vai trò cầm quyền trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số quốc gia xã hội chủ nghĩa.

2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

- a. Nội dung kinh tế*
- b. Nội dung chính trị - xã hội*
- c. Nội dung văn hóa, tư tưởng*

III. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

Giai cấp công nhân Việt Nam mang những đặc điểm chủ yếu sau đây:

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản vào đầu thế kỷ XX, là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp và bè lũ tay sai của chúng.

- Giai cấp công nhân Việt Nam không chỉ thể hiện đặc tính cách mạng của mình ở ý thức giai cấp và lập trường chính trị mà còn thể hiện tinh thần dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân, với dân tộc có truyền thống yêu nước, đoàn kết và bất khuất chống xâm lược.

- *Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với các tầng lớp nhân dân trong xã hội.*

Những đặc điểm nêu trên bắt nguồn từ lịch sử hình thành và phát triển giai cấp công nhân Việt Nam với cơ sở kinh tế - xã hội và chính trị ở đầu thế kỷ XX.

Những biến đổi đó thể hiện trên những nét chính sau đây:

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đã tăng nhanh về số lượng và chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp

- Công nhân tri thức, nắm vững khoa học - công nghệ tiên tiến, và công nhân trẻ được đào tạo nghề theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội,

- Coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng lãnh đạo, cầm quyền thực sự trong sạch vững mạnh. Đó là điểm then chốt để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ở Việt Nam.

2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã xác định vai trò giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử to lớn của giai cấp công nhân ở nước ta: “Giai cấp công nhân nước ta có sứ mệnh lịch sử to lớn: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng”.

a. Nội dung kinh tế

b. Nội dung chính trị - xã hội

c. Nội dung văn hóa, tư tưởng

3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

a. Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

b. Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

3. NỘI DUNG VIDEO 4,5: CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.1. Video 4: Gồm những nội dung sau:

I. Chủ nghĩa xã hội

1. *Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa*

2. *Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội*

a. *Điều kiện kinh tế*

b. *Điều kiện chính trị - xã hội*

3. *Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội*

- *Chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.*

- *Chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu*

- *Chủ nghĩa xã hội là xã hội do nhân dân lao động làm chủ*

- *Chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.*

- *Chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn nhân loại.*

- *Chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.*

3.2. Video 5: Gồm những nội dung sau

II. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. *Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

- *Khái niệm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc toàn bộ các lĩnh vực đời sống xã hội, bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền Nhà nước cho đến khi tạo ra được những cơ sở của chủ nghĩa xã hội trên các lĩnh vực đời sống xã hội.*

- *Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được lí giải từ các căn cứ sau đây:*

+ *Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội khác nhau về chất.*

+ *Chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên nền sản xuất đại công nghiệp có trình độ cao.*

+ Các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự phát nảy sinh trong lòng chủ nghĩa tư bản, chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo chủ nghĩa xã hội.

+ Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp, phải cần có thời gian để giai cấp công nhân từng bước làm quen với những công việc đó

2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- a. Trên lĩnh vực kinh tế
- b. Trên lĩnh vực chính trị
- c. Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa
- d. Trên lĩnh vực xã hội

III. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện vừa thuận lợi vừa khó khăn đan xen.

Đây là tư tưởng mới, phản ánh nhận thức mới, tư duy mới của Đảng ta về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Tư tưởng này cần được hiểu đầy đủ với những nội dung sau đây:

Thứ nhất, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tất yếu khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ hai, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

Thứ ba, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản.

Thứ tư, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực, là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, lâu dài.

2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

a. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Một là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là: Do nhân dân làm chủ.

Ba là: Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.

Bốn là: Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm là: Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Sáu là: Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Bảy là: Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Tám là: Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

b. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

4. NỘI DUNG VIDEO 6,7,8: CHƯƠNG 4: DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Chương 4 được trình bày khái quát trong 3 video, bao gồm những nội dung sau:

4.1. Video 6: Gồm những nội dung sau

I. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa

1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

a. Quan niệm về dân chủ

Thuật ngữ dân chủ ra đời vào khoảng thế kỷ thứ VII – VI trước công nguyên. Các nhà tư tưởng Lạp cổ đại đã dùng cụm từ “demokratos” để nói đến dân chủ, trong đó Demos là nhân dân (danh từ) và kratos là cai trị (động từ). Theo đó, dân chủ được hiểu là *nhân dân cai trị* và sau này được các nhà chính trị gọi giản lược là *quyền lực của nhân dân* hay *quyền lực thuộc về nhân dân*.

Tựu trung lại, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin dân chủ có một số nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, về phương diện quyền lực, dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ nhân của nhà nước.

Thứ hai, trên phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính trị, dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước, là chính thể dân chủ hay chế độ dân chủ.

Thứ ba, trên phương diện tổ chức và quản lý xã hội, dân chủ là một nguyên tắc - nguyên tắc dân chủ.

Từ những cách tiếp cận trên, dân chủ có thể hiểu *Dân chủ là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một phạm trù chính trị gắn với các hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền; là một phạm trù lịch sử gắn với quá trình ra đời, phát triển của lịch sử xã hội nhân loại.*

b. Sự ra đời, phát triển của dân chủ

2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

a. Quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Pari năm 1871, tuy nhiên, chỉ đến khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công với sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới (1917), nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mới chính thức được xác lập.

Quá trình phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là từ thấp tới cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện; có sự kế thừa một cách chọn lọc giá trị của các nền dân chủ trước đó, trước hết là nền dân chủ tư sản.

Từ những phân tích trên đây, có thể hiểu *dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ tư sản, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.*

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Với tư cách là đỉnh cao trong toàn bộ lịch sử tiến hóa của dân chủ, *dân chủ xã hội chủ nghĩa* có bản chất cơ bản sau:

- *Bản chất chính trị*: Dưới sự lãnh đạo duy nhất của một đảng của giai cấp công nhân (đảng Mác - Lênin) mà trên mọi lĩnh vực xã hội đều thực hiện quyền lực của nhân dân, thể hiện qua các quyền dân chủ, làm chủ, quyền con người, thỏa mãn ngày càng cao hơn các nhu cầu và các lợi ích của nhân dân.

- *Bản chất kinh tế*: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ sở hữu xã hội về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội đáp ứng sự phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học - công nghệ hiện đại nhằm thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

- *Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội*: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, làm chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội mới. Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sự kết hợp hài hòa về *lợi ích giữa cá nhân, tập thể và lợi ích của toàn xã hội*. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ra sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

4.2. Video 7: Gồm những nội dung sau

II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

a. Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao – xã hội xã hội chủ nghĩa.

b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa

- Về chính trị,
- Về kinh tế,
- Về văn hóa, xã hội,

c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Tùy theo góc độ tiếp cận, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành các chức năng khác nhau.

Căn cứ vào phạm vi tác động của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước được chia thành *chức năng đối nội* và *chức năng đối ngoại*.

Căn cứ vào lĩnh vực tác động của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành *chức năng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, ...*

Căn cứ vào tính chất của quyền lực nhà nước, chức năng của nhà nước được chia thành *chức năng giai cấp* (trấn áp) và *chức năng xã hội* (tổ chức và xây dựng).

2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

a. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân.

4.3. Video 8: Gồm những nội dung sau

III. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Quan niệm và đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Trong giai đoạn hiện nay, cách tiếp cận và những đặc trưng về nhà nước pháp quyền vẫn có những cách hiểu khác nhau. Song, từ những cách tiếp cận đó, *nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật phải*

dảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

b. Đặc điểm nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Từ thực tiễn nhận thức và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, có thể thấy Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta có một số đặc điểm cơ bản của như sau:

Thứ nhất, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Thứ hai, Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật. Trong tất cả các hoạt động của xã hội, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Thứ ba, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng và kiểm soát giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo

Thứ năm, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là chủ thể, là trung tâm của sự phát triển.

Thứ sáu, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Một là, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Hai là, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ba là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Năm là, xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân

b. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Một là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hai là, cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

Bốn là, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

5. NỘI DUNG VIDEO 9,10: CHƯƠNG 5:

CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP

TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chương 5 được trình bày khái quát trong 2 video, bao gồm những nội dung sau:

5.1. Video 9: Gồm những nội dung sau

I. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

a. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp

Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

Cơ cấu xã hội - giai cấp là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý quá trình sản xuất, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

b. Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

- Cơ cấu xã hội - giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước; đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý tổ chức lao động, vấn đề phân phối thu nhập... trong một hệ thống sản xuất nhất định.

- Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của các cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội.

2. Sự biến đổi có tính qui luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Cơ cấu xã hội - giai cấp của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thường xuyên có những biến đổi mang tính qui luật sau đây:

Một là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và bị quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Hai là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.

Ba là, cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau.

II. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Như vậy, *xét dưới góc độ chính trị*, trong một chế độ xã hội nhất định, chính cuộc đấu tranh giai cấp của các giai cấp có lợi ích đối lập nhau đặt ra nhu cầu tất

yếu khách quan mỗi giai cấp đứng ở vị trí trung tâm đều phải tìm cách liên minh với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác có những lợi ích phù hợp với mình để tập hợp lực lượng thực hiện những nhu cầu và lợi ích chung - đó là quy luật mang tính phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp.

Xét từ góc độ kinh tế, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội - tức là cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, cùng với tất yếu chính trị - xã hội, tính tất yếu kinh tế của liên minh lại nổi lên với tư cách là nhân tố quyết định nhất cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội. Liên minh này được hình thành xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ..., xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

5.2. Video 10: Gồm những nội dung sau

III. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đuổi thực dân đế quốc và thống nhất đất nước, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ này, cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam có những đặc điểm nổi bật sau:

- Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp vừa đảm bảo tính qui luật *phổ biến*, vừa mang tính *đặc thù* của xã hội Việt Nam

- Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội ngày càng được khẳng định

Cơ cấu xã hội - giai cấp của Việt Nam ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm những giai cấp, tầng lớp cơ bản sau:

Giai cấp công nhân Việt Nam

Giai cấp nông dân

Đội ngũ trí thức

Đội ngũ doanh nhân.

Tóm lại, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, các giai cấp, tầng lớp xã hội biến đổi liên tục trong nội tại mỗi giai cấp, tầng lớp, hoặc xuất hiện thêm các nhóm xã hội mới. Trong quá trình này, cần phải có những giải pháp sát thực, đồng bộ và tác động tích cực để các giai cấp, tầng lớp có thể khẳng định vị trí

xúng đáng và phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò của mình trong cơ cấu xã hội và trong sự nghiệp phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Nội dung kinh tế của liên minh

- Nội dung chính trị của liên minh

- Nội dung văn hóa xã hội của liên minh

b. Phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.

Hai là, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp.

Ba là, tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội.

Bốn là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.

Năm là, đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

6. NỘI DUNG VIDEO 11,12,13: CHƯƠNG 6: VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chương 6 được trình bày khái quát trong 3 video, bao gồm những nội dung sau:

6.1. Video 11: Gồm những nội dung sau

I. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc

Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa cơ bản:

Thứ nhất: Theo nghĩa rộng, Dân tộc (nation) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

Theo nghĩa rộng, dân tộc có một số đặc trưng cơ bản sau đây:

- Có chung một vùng lãnh thổ ổn định.
- Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế.
- Có chung ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp.
- Có chung một nền văn hóa và tâm lý.
- Có chung một nhà nước (nhà nước dân tộc)

Thứ hai, theo nghĩa hẹp, dân tộc (ethnies) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa.. Ví dụ dân tộc Tày, Thái, Ê Đê... ở Việt Nam hiện nay.

Theo nghĩa này, dân tộc – tộc người có một số đặc trưng cơ bản sau:

- Cộng đồng về ngôn ngữ
- Cộng đồng về văn hóa.
- Ý thức tự giác tộc người.

2. Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc

a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

Nghiên cứu vấn đề dân tộc, V.I.Lênin phát hiện ra hai xu hướng khách quan trong sự phát triển quan hệ dân tộc.

Xu hướng thứ nhất, cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập.

Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng này diễn ra với những biểu hiện rất đa dạng và phong phú.

Trong phạm vi một quốc gia:

Trong phạm vi quốc tế:

b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

Một là: Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Hai là: Các dân tộc được quyền tự quyết

Ba là: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

a. Đặc điểm dân tộc Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa tộc người có những đặc điểm nổi bật sau đây:

Thứ nhất: Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người

Thứ hai: Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau

Thứ ba: Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng

Thứ tư: Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều

Thứ năm: Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất

Thứ sáu: Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất

b. Quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam

** Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc*

** Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam*

6.2. Video 12: Gồm những nội dung sau

II. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo

a. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

Thứ nhất: Bản chất của tôn giáo

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí...

Chỉ rõ bản chất của tôn giáo, chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định rằng: *Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hoá do con người sáng tạo ra*. Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hoá và phục tùng tôn giáo vô điều kiện.

Thứ hai: Nguồn gốc của tôn giáo

- Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế - xã hội
- Nguồn gốc nhận thức
- Nguồn gốc tâm lý

Thứ ba: Tính chất của tôn giáo

- Tính lịch sử của tôn giáo
- Tính quần chúng của tôn giáo
- Tính chính trị của tôn giáo

b. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tôn giáo vẫn còn tồn tại, tuy đã có sự biến đổi trên nhiều mặt. Vì vậy, khi giải quyết vấn đề tôn giáo cần đảm bảo các nguyên tắc sau;

Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới
- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo
- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo

2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

a. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

Thứ nhất, Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo

Thứ hai, tôn giáo ở Việt Nam đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo

Thứ ba, tín đồ các tôn giáo Việt Nam phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc

Thứ tư, hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ

Thứ năm, các tôn giáo ở Việt Nam đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài

Thứ sáu, tôn giáo ở Việt Nam thường bị các thế lực phản động lợi dụng

b. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay

Quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta
- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.
- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.
- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.
- Vấn đề theo đạo và truyền đạo.

6.3. Video 13: Gồm những nội dung sau

III. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

a. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất

b. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống

c. Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

a. Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của cách mạng Việt Nam

b. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa

c. Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.

NỘI DUNG VIDEO 14,15,16: CHƯƠNG 7: VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chương 7 được trình bày khái quát trong 3 video, bao gồm những nội dung sau:

7.1. Video 14: Gồm những nội dung sau

I. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình

1. Khái niệm gia đình

gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

2. Vị trí của gia đình trong xã hội

a. Gia đình là tế bào của xã hội

b. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên

c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

3. Chức năng cơ bản của gia đình

a. Chức năng tái sản xuất ra con người

b. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục

c. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình

7.2. Video 15: Gồm những nội dung sau

II. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Cơ sở kinh tế - xã hội

2. Cơ sở chính trị - xã hội

3. Cơ sở văn hóa

4. Chế độ hôn nhân tiên bộ

- Hôn nhân tự nguyện

- Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng

- Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý

7.3. Video 16: Gồm những nội dung sau

III. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Nếu như gia đình truyền thống xưa có thể tồn tại đến ba bốn thế hệ cùng chung sống dưới một mái nhà thì hiện nay, quy mô gia đình hiện đại đã ngày càng được thu nhỏ lại. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai thế hệ cùng sống chung: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước, cá biệt còn có số ít gia đình đơn thân, nhưng phổ biến nhất vẫn là loại hình gia đình hạt nhân quy mô nhỏ.

Quy mô gia đình Việt Nam ngày càng thu nhỏ, đáp ứng những nhu cầu và điều kiện của thời đại mới đặt ra. Sự bình đẳng nam nữ được đề cao hơn, cuộc sống riêng tư của con người được tôn trọng hơn, tránh được những mâu thuẫn trong đời sống của gia đình truyền thống.

b. Biến đổi các chức năng của gia đình

- Chức năng tái sản xuất ra con người

- Biến đổi chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng
- Biến đổi chức năng giáo dục (xã hội hóa).
- Biến đổi chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm

c. Sự biến đổi trong các mối quan hệ gia đình

2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình

Thứ ba, kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay

Thứ tư, tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa

KẾT LUẬN

Đề tài “Xây dựng video bài giảng môn Chủ nghĩa xã hội khoa học” hoàn thành gồm 16 video đã khái quát được toàn bộ nội dung môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó là những kiến thức cơ bản, hệ thống về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học; nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN và các quy luật, tính quy luật mang tính chính trị - xã hội diễn ra trong thời kì quá độ đi lên xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Đề tài có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình chuyển đổi số của Nhà trường. Là tài liệu quan trọng phục vụ chương trình đào tạo từ xa, giảng dạy và học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học trong trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb Giáo dục và đào tạo.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2002) Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học; Nxb CTQG, Hà Nội.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, “Chương trình cao cấp lý luận chính trị”, Bùi Thị Ngọc Lan, Đỗ Thị Thạch (đồng chủ biên) Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Nxb CTQG - ST, Hà Nội, 2008.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII, Nxb CTQG - ST, Hà Nội, 2011, 2016.
6. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2002) Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học; Nxb CTQG, Hà Nội.
7. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, dành cho hệ cao cấp lý luận chính trị, H.2018
8. Hoàng Chí Bảo, Nguyễn Viết Thông, Bùi Đình Bôn (đồng chủ biên), Một số vấn đề lý luận về giai cấp công nhân Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nxb Lao động, Hà Nội, 2010.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1991.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung và phát triển năm 2011), Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 2011.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 2021.
12. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình chủ nghĩa xã hội. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

**THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG
NĂM 2022**

**TÊN ĐỀ TÀI: XÂY DỰNG VIDEO BÀI GIẢNG
MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
MÃ SỐ: T2022-VD81**

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Hoàng Thị Hải Yến

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

**THUYẾT MINH ĐỀ TÀI
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TRƯỜNG NĂM 2022**

| | | | | |
|---|------------------------------|---|--------------------------------------|--------|
| 1. TÊN ĐỀ TÀI: Xây dựng video bài giảng môn Chủ nghĩa xã hội khoa học | | 2. MÃ SỐ: T2022-VD81 | | |
| 3. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU | | 4. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU | | |
| Khoa học <input type="checkbox"/> Tự nhiên Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ <input type="checkbox"/> | | Cơ bản <input type="checkbox"/> Ứng dụng <input type="checkbox"/> Triển khai <input type="checkbox"/> | | |
| Khoa học <input type="checkbox"/> Y, dược Khoa học Nông nghiệp <input type="checkbox"/> | | | | |
| Khoa học <input checked="" type="checkbox"/> Xã hội Khoa học Nhân văn <input type="checkbox"/> | | <input type="checkbox"/> <input checked="" type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> | | |
| 5. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN: 12 tháng | | | | |
| Từ tháng 04 năm 2022 đến tháng 04 năm 2023 | | | | |
| 6. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI | | | | |
| Họ và tên: HOÀNG THỊ HẢI YẾN | | Học vị: Thạc sỹ | | |
| Chức danh khoa học: | | Năm sinh: 1988 | | |
| Địa chỉ cơ quan: BMLLCT - ĐHKTCN | | Điện thoại di động: 0987692148 | | |
| Điện thoại cơ quan: | | Fax: | | |
| E-mail: hoangyen@tnut.edu.vn | | | | |
| 7. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI | | | | |
| TT | Họ và tên | Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn | Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao | Chữ ký |
| | | | | |
| 8. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH | | | | |
| Tên đơn vị trong và ngoài nước | Nội dung phối hợp nghiên cứu | Họ và tên người đại diện đơn vị | | |
| | | | | |

9. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

9.1. Trong nước (phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài ở Việt Nam, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)

9.2. Ngoài nước (phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trên thế giới, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)

9.3. Danh mục các công trình đã công bố thuộc lĩnh vực của đề tài của chủ nhiệm và những thành viên tham gia nghiên cứu (họ và tên tác giả; bài báo; ấn phẩm; các yếu tố về xuất bản)

a) Của chủ nhiệm đề tài

b) Của các thành viên tham gia nghiên cứu

(Những công trình được công bố trong 5 năm gần nhất)

10. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Sự phát triển mạnh mẽ của mạng internet tạo điều kiện cho đào tạo online có cơ hội mở rộng, được tin tưởng ngày càng nhiều hơn. E-learning là phương pháp học tập hiệu quả, ứng dụng đa dạng nhờ vào nội dung phong phú và khả năng hỗ trợ tương tác cao, dần trở thành xu hướng. Đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hiện nay, dịch bệnh Covid 19 bùng phát và làm thay đổi mọi mặt đời sống xã hội. Giáo dục và đào tạo cũng không nằm ngoài sự tác động đó.

Để đảm bảo hoạt động dạy và học không bị gián đoạn, toàn ngành giáo dục đã chủ động nghiên cứu và áp dụng nhiều phương án, nhiều hình thức dạy và học mới, phù hợp với tình hình thực tiễn.

Trước tình hình thực tiễn trên, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên đã có những phương án rất kịp thời để ứng phó linh hoạt với đại dịch covid 19 như: tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ kết hợp học trực tuyến với học trực tiếp trên lớp; tập huấn cho giảng viên, sinh viên cũng như đội ngũ cán bộ phục vụ các công tác liên quan đến đào tạo trực tuyến từ đó góp phần nâng cao chất lượng cho hoạt động đào tạo trực tuyến của Nhà trường.

Tuy nhiên, để ứng phó lâu dài với dịch bệnh, thực tiễn đòi hỏi cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng của hoạt động dạy và học trực tuyến. Nhằm mục đích xây dựng kho học liệu số của Nhà trường có chất lượng; nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động dạy, học; đồng thời, phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của các nhà giáo trong đổi mới nội dung và đổi mới phương pháp dạy học, Nhà trường đã phát động phong trào nghiên cứu khoa học trong tình hình mới, đó là xây dựng các bài giảng dưới dạng video cho từng môn học. Trên cơ sở đó, tác giả đăng ký đề tài “Xây dựng video bài giảng môn Chủ

nghĩa xã hội khoa học” để góp phần thực hiện các mục tiêu trên của Nhà trường.

11. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI

Xây dựng kho học liệu số môn Chủ nghĩa xã hội khoa học tại trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, đồng thời nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, đa dạng hóa các phương pháp dạy và học.

12. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

12.1. Đối tượng nghiên cứu: Môn Chủ nghĩa xã hội khoa học

12.2. Phạm vi nghiên cứu: Tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

13. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

13.1. Cách tiếp cận: Ứng dụng công nghệ thông tin và các phương pháp dạy học tích cực để xây dựng các video bài giảng.

13.2. Phương pháp nghiên cứu: Thực hiện trực tiếp

14. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

14.1. Nội dung nghiên cứu (*Mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu của đề tài*): Xây dựng những video bám sát đề cương môn Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin.

14.2. Tiến độ thực hiện

| STT | Các nội dung, công việc thực hiện | Sản phẩm | Thời gian (bắt đầu-kết thúc) | Người thực hiện |
|-----|--|----------|------------------------------|-------------------|
| 1 | - 2 tiết: Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học Số lượng sản phẩm: 2 video | 02 video | Trong tháng 04/2022 | Hoàng Thị Hải Yến |
| 2 | - 4 tiết: Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Số lượng sản phẩm: 4 video | 04 video | Từ tháng 5-6/2022 | Hoàng Thị Hải Yến |
| 3 | - 4 tiết: Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Số lượng sản phẩm: 4 video | 04 video | Từ tháng 7 - 8/2022 | Hoàng Thị Hải Yến |

| | | | | |
|---|--|----------|----------------------|-------------------|
| 4 | - 6 tiết: Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa Số lượng sản phẩm: 6 video | 06 video | Từ tháng 9 - 10/2022 | Hoàng Thị Hải Yến |
| 5 | - 4 tiết: Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Số lượng sản phẩm: 4 video | 04 video | Từ tháng 11- 12/2022 | Hoàng Thị Hải Yến |
| 6 | - 06 tiết: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Số lượng sản phẩm: 6 video | 06 video | Từ tháng 1 - 2/2023 | Hoàng Thị Hải Yến |
| 7 | - 4 tiết: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Số lượng sản phẩm: 4 video | 04 video | Từ tháng 3- 4/2023 | Hoàng Thị Hải Yến |

15. SẢN PHẨM

| Stt | Tên sản phẩm | Số lượng | Yêu cầu chất lượng sản phẩm (mô tả chi tiết chất lượng sản phẩm đạt được như nội dung, hình thức, các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật,...) |
|-----|---|----------|---|
| I | Sản phẩm khoa học (Các công trình khoa học sẽ được công bố: sách, bài báo khoa học, ..) | | |
| 1.1 | | | |
| 1.2 | | | |
| ... | | | |
| II | Sản phẩm đào tạo (cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ,...) | | |
| 2.1 | | | |
| 2.2 | | | |
| ... | | | |
| III | Sản phẩm ứng dụng | | |

| | | | |
|-----|----------------------------|----|--|
| 3.1 | Video bài giảng trực tuyến | 30 | |
| 3.2 | | | |
| ... | | | |

16. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG

16.1. Phương thức chuyển giao

16.2. Địa chỉ ứng dụng: Tại trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp.

17. TÁC ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH MANG LẠI CỦA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

17.1. Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Làm tài liệu giảng dạy.

17.2. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan: Làm tài liệu tham khảo.

17.3. Đối với phát triển kinh tế-xã hội: Phục vụ cho các chương trình đào tạo từ xa, rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí cho người học.

17.4. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu: Bổ sung vào kho học liệu số cho Nhà trường.

18. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

Tổng kinh phí: 3.600.000 đồng

Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.

(Dự toán chi tiết các mục chi đính kèm có xác nhận của các đơn vị liên quan.)

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

Chủ nhiệm đề tài

PHÒNG KHCN&HTQT

ThS. Hoàng Thị Hải Yến

HỘI ĐỒNG BM LLCT

KT. HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thị Thu Thủy



PGS.TS. Vũ Ngọc Pi

DVT: VNĐ.

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI KH&CN CẤP TRƯỜNG NĂM 2022

Tên đề tài: Xây dựng video bài giảng môn Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nhiệm đề tài: ThS. Hoàng Thị Hải Yến

ĐVT: VNĐ

| STT | Nội dung | Dự toán | | | |
|-----|--|-------------------|------------------|-------------------------------|----------------|
| | | Người thực hiện | Số ngày công (2) | Hệ số tiền công theo ngày (3) | Thành tiền (4) |
| 1 | <i>Mục chi tiền công lao động tham gia trực tiếp (1)</i> | | | | |
| 1,1 | 2 tiết: Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học Số lượng sản phẩm: 2 video | Hoàng Thị Hải Yến | 0,50 | 0,45 | 335.250 |
| 1,2 | 4 tiết: Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Số lượng sản phẩm: 4 video | Hoàng Thị Hải Yến | 0,50 | 0,45 | 335.250 |
| 1,3 | 4 tiết: Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Số lượng sản phẩm: 4 video | Hoàng Thị Hải Yến | 0,50 | 0,45 | 335.250 |
| 1,4 | 6 tiết: Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa Số lượng sản phẩm: 6 video | Hoàng Thị Hải Yến | 1,00 | 0,45 | 670.500 |
| 1,5 | 4 tiết: Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Số lượng sản phẩm: 4 video | Hoàng Thị Hải Yến | 1,00 | 0,45 | 670.500 |
| 1,6 | 06 tiết: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Số lượng sản phẩm: 6 video | Hoàng Thị Hải Yến | 1,00 | 0,45 | 670.500 |